

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình:
xây dựng 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường thuộc dự án Phát triển
tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số hiệu 6426-VN; 6427-VN; 6428-VN và 6429-VN ký ngày 29/11/2019 cho Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB; Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo quy định của Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ; điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và phê duyệt khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN tại Tờ trình số 57/TTr-BQLDAKV ngày 12/11/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 7048/SXD-HĐXD ngày 11/11/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình: xây dựng 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, với các nội dung như sau:

1. Tên hạng mục công trình: xây dựng 05 khu tái định cư dọc các tuyến đường.
2. Dự án: Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
3. Loại, cấp công trình: công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
4. Địa điểm xây dựng 05 khu tái định cư (TĐC) tại các phường: Ninh Hải, Hải Hòa, Bình Minh, Nguyên Bình, Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hưng Phú - Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng - Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Việt Nam.
6. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:
 - Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Hoàng Ngọc Thê – Chứng chỉ số BXD-00009173 ngày 08/9/2017.
 - Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Ông Phạm Thành Trung - Chứng chỉ số BXD-000197707 ngày 02/03/2018.
 - Chủ nhiệm thiết kế: Ông Bùi Đức Hợp - Chứng chỉ số KS-037-06663 ngày 23/12/2015.
 - Chủ trì thiết kế: Ông Nguyễn Hoàng Giang - chứng chỉ số BAN-00025684 ngày 28/5/2018.
 - Chủ trì lập dự toán: Ông Lê Minh Dũng - Chứng chỉ số THH-00013374 ngày 17/11/2017.
7. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đại Việt.
8. Quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:
 - 8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng mới 05 khu tái định cư với tổng diện tích 4,7 ha.
 - 8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:
 - 8.2.1. *San nền*
Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức, với độ chênh cao giữa hai đường đồng mức liền kề là $h=0,05m$, độ dốc tối thiểu $i \geq 0,4\%$, khối lượng san nền được xác định theo phương pháp lưới ô vuông kích thước $10m \times 10m$. Trước khi san nền, tiến hành bóc bỏ khoảng 0,3m lớp đất hữu cơ không đảm bảo tiêu chuẩn. Vật liệu san nền bằng đất với hệ số đầm chặt $K \geq 0,85$. Cao độ thiết kế cụ thể đối với từng khu tái định cư như sau:

- Khu tái định cư Ninh Hải: Cao độ thiết kế san nền từ +4,40m đến +4,50m;
- Khu tái định cư Hải Hòa: Cao độ thiết kế san nền từ +3,10m đến +3,20m;
- Khu tái định cư Bình Minh: Cao độ thiết kế san nền từ +2,65m đến +2,75m;
- Khu tái định cư Nguyên Bình: Cao độ thiết kế san nền từ +3,7m đến +3,8m;
- Khu tái định cư Xuân Lâm: Cao độ thiết kế san nền từ +3,20m đến +3,25m.

8.2.2. Giải pháp thiết kế giao thông

a) Bình đồ tuyến, cắt dọc tuyến: Được thiết kế tuân thủ theo cao độ quy hoạch, mặt bằng quy hoạch được duyệt và khớp nối với hiện trạng, độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 2\%$, nhỏ nhất $0,0\%$.

b) Mặt cắt ngang: Thiết kế với độ dốc I mặt=2%, I hè=2%, I lề=4%, cụ thể đối với các khu tái định cư như sau:

- Khu tái định cư Ninh Hải: Các tuyến đường có lộ giới 15,5m trong đó mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$, vỉa hè $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.

- Khu tái định cư Hải Hòa: Các tuyến đường có lộ giới 15,5m trong đó mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$, vỉa hè $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.

- Khu tái định cư Bình Minh:

- + Tuyến đường 1 (tuyến đường gom Quốc lộ 1A): đầu tư phần đường có lộ giới 10,5m trong đó mặt đường $2 \times 2,75\text{m} = 5,5\text{m}$; vỉa hè bên phải rộng 5,0m, bên trái lề đất 0,5m;

- + Tuyến đường 2: đầu tư phần đường có mặt cắt 11,5m trong đó mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; vỉa hè bên trái rộng 4,0m, bên phải lề đất 0,5m;

- + Tuyến đường 3: có lộ giới 15,5m trong đó mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$, vỉa hè $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.

- Khu tái định cư Nguyên Bình: các tuyến đường có lộ giới 15,5m trong đó mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$, vỉa hè $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$.

- Khu tái định cư Xuân Lâm:

- + Tuyến đường 1: có lộ giới 15,5m trong đó mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; Bề rộng vỉa hè $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$;

- + Tuyến đường 2: đầu tư phần đường có mặt cắt 11,5m; mặt đường $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; vỉa hè phía Bắc rộng 4,0m;

- + Tuyến đường 3 và tuyến đường 4: Chỉ đầu tư phần vỉa hè tiếp giáp với khu tái định cư có bề rộng 5,0m.

Thiết kế nền đường:

- Nền đường đắp: Đắp nền đường, lè đường bằng đất đầm lèn độ chặt

$K \geq 0,95$. Trước khi đắp phải tiến hành đào bỏ lớp đất không thích hợp trung bình 50cm.

- Nền đường đào: Đào nền, đào khuôn cạp mở rộng hệ số mái đào 1/1.

d) Thiết kế kết cấu áo đường:

- Kết cấu loại 1 áp dụng với tuyến đường mới và phần cạp mở rộng: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7,0cm; tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 12 cm; cấp phối đá dăm loại II dày 18 cm; đất đầm chặt K98 dày 50cm.

- Kết cấu loại 2 áp dụng tôn cao trên đường cũ chiều dày >19cm: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7,0cm; tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m², cấp phối đá dăm loại I dày 12 cm, bù vênh cấp phối đá dăm loại 1.

- Kết cấu loại 3 áp dụng tôn cao trên đường cũ chiều dày <19cm: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7,0cm; tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m², bù vênh bằng bê tông nhựa chặt C19, tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m².

đ) Thiết kế lát hè, bó vỉa, gờ bó hè, đan rãnh, hố trồng cây, cây xanh.

- Lát hè: Bằng gạch Block tự chèn dày 5cm, lớp lót XM dày 2cm, đệm cát đen tạo phẳng dày 5,0cm.

- Bó vỉa: Sử dụng bó vỉa vát cạnh bằng bê tông M250; kích thước bó vỉa đoạn thẳng 23x26x100cm, kích thước bó vỉa đoạn cong 23x26x40cm.

- Gờ bó hè: Xây gạch không nung VXM M50, trát ngoài VXM M75, BT đệm móng M150.

- Đan rãnh: Bằng BT đúc sẵn M200, kích thước tấm (50x30x5)cm.

- Hố trồng cây: Kích thước lòng (100x100)cm, xây gạch không nung VXM M50, BT đệm móng M150 trát ngoài VXM M75. Hố trồng cây bố trí vào giữa 2 lô đất, khoảng cách trồng cây trung bình 10m/cây.

8.2.3. Giải pháp thiết kế hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa, nước thải đi chung thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, sử dụng rãnh BTCT thường B=50cm đi ngầm trên vỉa hè và rãnh BTCT chịu lực B=50 dưới đường; đoạn đường đào thiết kế rãnh hở (rãnh đất) hình thang. Toàn bộ nước mưa được thu gom vào các cửa thu nước dọc các tuyến đường sau đó thoát về các cửa xả theo sơ đồ phân lưu vực. Nước thải được thu gom bằng ống nhựa PVC từ các hộ dân sau đó thoát vào ga thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước sử dụng rãnh BTCT đúc sẵn B=50cm đá 1x2 M250, đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 15cm đối với loại qua đường và 10cm đối với loại trên hè, rãnh được bố trí dọc trên các trục đường giao thông đảm bảo thoát nước cho khu vực.

- Kết cấu ga thu: thành và đáy hố ga BT đá 1x2 M200, đá dăm đệm 4x6 dày 10cm, nắp ga bằng gang, ga thu được nối với ga thăm bằng 02 ống nhựa PVC.

- Kết cấu ga thăm: Đế ga bằng BTCT đá 1x2 M200 đúc sẵn dày 15cm, thành hố ga BT đá 1x2 M200 dày 22cm, đá dăm đệm 4x6 dày 10cm, tấm đan bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 10cm.

- Đối với khu tái định cư Xuân Lâm thiết kế hoàn trả nương tưới tiêu kết hợp thoát nước mặt đường tuyến cống tròn, thiết kế cống, gói cống đồng bộ kèm theo.

8.2.4. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước

- Nguồn nước cấp cho các khu tái định cư được lấy từ hệ thống cấp nước sạch hiện có của thị xã Nghi Sơn.

- Thiết kế mạng lưới cấp nước dạng mạch vòng kết hợp với mạng cụt. Đường ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông, sử dụng ống HDPE, ống đặt qua đường sử dụng ống lồng thép.

- Mạng truyền dẫn là ống HPDE D110; mạng phân phối là ống HPDE D63;

- Các công trình kỹ thuật trên tuyến: Van chặn, van xả khí, van xả cặn, đồng hồ đo lưu lượng, mối nối mềm, các gói đỡ tê, cút chuyển hướng;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường trên các tuyến ống chính. Các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước D110 trở lên và khoảng cách các trụ không quá 120m.

8.2.5. Hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng

- Nguồn cấp điện cho dự án và điểm đầu nối được xác định trên cơ sở văn bản thỏa thuận cấp điện của chi nhánh điện lực Tĩnh Gia cụ thể như sau:

- Lưới điện trung áp: Điện trung áp xây dựng mới đi ngầm và cáp trên không cấp điện đến các trạm biến áp xây mới.

- Cột đầu nối trung áp: sử dụng 2 cột (LTMB-12B), móng cột đơn, trên cột đầu nối lắp các thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đầu nối tương ứng với cấp điện áp và các thiết bị an toàn.

- Cáp từ cột đầu nối về TBA sử dụng 2 loại: Cáp ngầm, cáp trên không (cột đi nổi bê tông LT cao 18m, móng cột đơn, cột đôi, tiếp địa cột, sứ chuỗi, khóa néo và phụ kiện).

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 05 trạm biến áp cho từng khu tái định cư, MBA loại 3 pha 2 cuộn dây ngâm trong dầu, làm mát bằng dầu tuần hoàn (Khu tái định cư Ninh Hải TBA công suất 250kVA-35/0,4kV; Khu tái định cư Bình Minh TBA công suất 250kVA-24/0,4kV; Khu tái định cư Hải Hòa TBA công suất 100kVA-35/0,4kV; Khu tái định cư Nguyên Bình TBA công suất 100kVA-24/0,4kV; Khu tái định cư Xuân Lâm TBA công suất 100kVA-35/0,4kV).

- Kết cấu trạm: Trạm biến áp được xây dựng ngoài trời, trạm treo trên 2 cột LT-12m, móng cột đơn BTCT.

- Thiết bị đóng cắt bảo vệ, hệ thống tiếp địa được thiết kế đồng bộ kèm theo.

- Điện sinh hoạt: Sử dụng cáp đi ngầm dưới vỉa hè có tiết diện phù hợp với mức độ truyền tải điện sinh hoạt cấp tới các tủ điện phân phối của từng công trình; cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn, những đoạn cáp vượt qua đường giao thông được luồn trong ống thép.

- Điện chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng bao gồm tủ chiếu sáng, các đèn

chiếu sáng. Nguồn cấp cho các đèn sử dụng cáp ngầm đặt trong ống nhựa xoắn HDPE. Cột chiếu sáng có chiều cao (8-10)m; thân cột bằng thép tấm mạ kẽm nhúng nóng; móng cột BTCT đổ tại chỗ chôn sẵn bu lông để bắt vào mặt bích trụ; bóng đèn chiếu sáng sử dụng bóng công suất 250W; cáp lên chiếu sáng dùng dây đồng PVC.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: : 33.642.864.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng: 27.802.237.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 2.907.136.000 đồng
- Chi phí QLDA: 334.565.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 100.064.000 đồng
- Chi phí khác: 125.216.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 2.373.646.000 đồng

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức quản lý, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 7048/SXD-HDXD ngày 11/11/2020.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Trưởng các ngành, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi;
- Lưu: VT, THKH.

(46853.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG 05 KHU TÁI ĐỊNH CƯ DỌC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung công việc	Cách tính	Giá trị dự toán trước thuế	Thuế VAT	Giá trị dự toán sau thuế
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		25.274.760.278	2.527.476.028	27.802.237.000
1	Khu tái định cư Ninh Hải	Bảng tính chi tiết	9.010.358.802	901.035.880	9.911.395.000
2	Khu tái định cư Hải Hòa	Bảng tính chi tiết	3.732.109.897	373.210.990	4.105.321.000
3	Khu tái định cư Bình Minh	Bảng tính chi tiết	4.965.341.946	496.534.195	5.461.876.000
4	Khu tái định cư Nguyên Bình	Bảng tính chi tiết	3.166.964.373	316.696.437	3.483.661.000
5	Khu tái định cư Xuân Lâm	Bảng tính chi tiết	4.399.985.260	439.998.526	4.839.984.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ		2.642.850.508	264.285.051	2.907.136.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (tạm tính 50% đầu tư xây dựng thuộc vùng đặc biệt khó khăn) (Tỷ lệ lấy theo QĐ số 1052 phê duyệt dự án)	1,1984% x (Gxd+Gtb)^{trước VAT}	334.564.648		334.565.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		96.550.663	3.513.192	100.064.000
1	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	0,0710% x Gxd	17.945.080	1.794.508	19.740.000
2	Chi phí thẩm tra dự toán	0,0680% x Gxd	17.186.837	1.718.684	18.906.000
3	Chi phí giám sát	Có dự toán riêng của toàn dự án			
4	Chi phí lập HSMT (ban tự thực hiện - Theo Nghị định 63//2014/NĐ-CP)	0,10% x giá gói thầu	30.709.373		30.709.000
5	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu (ban tự thực hiện - Theo Nghị định 63//2014/NĐ-CP)	0,10% x giá gói thầu	30.709.373		30.709.000

Số TT	Nội dung công việc	Cách tính	Giá trị dự toán trước thuế	Thuế VAT	Giá trị dự toán sau thuế
V	CHI PHÍ KHÁC		116.623.546	8.591.417	125.216.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,25% x Gxd	63.186.901	6.318.690	69.506.000
2	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu (Theo Nghị định 63//2014/NĐ-CP)	0,05% x giá gói thầu	15.354.687		15.355.000
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (Theo Nghị định 63//2014/NĐ-CP)	0,05% x giá gói thầu	15.354.687		15.355.000
4	Chi phí kiểm toán	Có dự toán riêng của toàn dự án			
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Có dự toán riêng của toàn dự án			
6	Chi phí thẩm định giá	Tạm tính	22.727.273	2.272.727	25.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				2.373.646.000
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5,000% x (I+II+III+IV+V)			1.563.460.900
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	2,591% x (I+II+III+IV+V)			810.185.438
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV+V+VI)			33.642.864.000